

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19/5/2023.

“Về Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Nghiệp và bà Bùi Thị Quỳnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Thường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Ông Bùi Tất Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2022 về “Hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1996.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn X**, sinh năm 1995.

Cùng cư trú tại: Xóm M, xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

(Chị N có mặt, anh X vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Chị N cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ cuối năm 2018 do anh X chơi bời, cờ bạc không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, vợ con. Mặc dù chị N và hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh X không

thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng kéo dài và sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, chị N làm đơn và giữ nguyên yêu cầu của mình đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh X.

Về con chung, chị N và anh X có 02 con chung là cháu Bùi Thị Mỹ H, sinh ngày 10/7/2016 và cháu Bùi Thị Lệ Q, sinh ngày 17/9/2018.

Việc nuôi con sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N chưa yêu cầu.

Về tài sản và công nợ chung: Chị N trình bày không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không nợ tổ chức tín dụng nào.

Đối với bị đơn (anh X) có biết việc giải quyết ly hôn nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, nhưng anh X vẫn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, từ đó không ghi được lời khai và ý kiến trình bày của anh X và không tiến hành kiểm tra chứng cứ và không hòa giải được.

Những vấn đề thống nhất và không thống nhất:

Do anh X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên hai bên không thống nhất được với nhau về việc **ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn và các tranh chấp khác.**

Kết quả xác minh: Ông Bùi Văn Đ (bố đẻ chị N) và chính quyền địa phương xác nhận, chị N và anh X kết hôn với nhau tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2008 cho đến nay. Về con chung, chị N và anh X có 02 con chung, từ khi vợ chồng sống ly thân, bản thân chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con. Về tài sản và công nợ chung, ông Đ xác nhận, sau khi chị N và anh X kết hôn, anh X về ở rể từ đó đến nay không có tài sản chung và cũng không nợ ai; Về thủ tục tổng đạt, ông Đ và đại diện chính quyền địa phương đều xác nhận, anh X được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản nhưng cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại **khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh X đều vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 177; 179; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

- Về nội dung: Xét hôn nhân của chị N và anh X mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh X là có căn cứ.

- Về con chung: Chị N và anh X có hai con chung, kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con. Chị N có nguyện vọng sau khi ly hôn, đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con. Chưa yêu cầu anh X phải cấp dưỡng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử, giải quyết việc nuôi con sau khi ly hôn, tiếp tục giao hai cháu cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị N trình bày không có, nên không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên nguyên đơn (chị N) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình: Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn và các tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình có hộ khẩu và cùng nơi cư trú tại nơi có trụ sở Tòa án giải quyết tranh chấp, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Người tham gia tố tụng, bị đơn (anh X) biết việc giải quyết ly hôn, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, theo quy định tại các Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là có căn cứ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, nhận thấy chị N và anh X không còn hạnh phúc, mặc dù cả hai đều đã cố gắng nhưng không thay đổi, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh X là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị N và anh X có hai con chung, chị N có nguyện vọng sau khi ly hôn, đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con, chưa yêu cầu anh X phải cấp dưỡng, tùy thuộc vào tình cảm và trách nhiệm của anh X đối với các con.

Xét thấy, kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân (cuối năm 2018) chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con; hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh X không có mặt để trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình về việc nuôi con. Do vậy, việc giải quyết nuôi con sau khi ly hôn, nên giao hai cháu cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý.

[4]. Về tài sản và công nợ chung: Chị N và anh X không có. Do vậy, không đề cập giải quyết ở phần quyết định.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn (chị N) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 228; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị N với anh Bùi Văn X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn X.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, giao cháu Bùi Thị Mỹ H, sinh ngày 10/7/2016 và cháu Bùi Thị Lệ Q, sinh ngày 17/9/2018 cho chị Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N chưa yêu cầu, tùy thuộc vào tình cảm và trách nhiệm của anh X đối với các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0005269 ngày 13/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2023). Anh X vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
 - VKS ND tỉnh Hòa Bình;
 - VKSND huyện Kim Bôi;
 - Chi cục THA-DS huyện Kim Bôi;
 - UBND xã Sào Báy, huyện Kim Bôi
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

